

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/DS-PT

Ngày: 06/4/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay, hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng N

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc V

Ông Sỹ Danh Đ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị N, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Ông Phan Trung Q, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08 tháng 3 và 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS - ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2021/QĐ – PT ngày 18/02/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 103/TB-TA ngày 18/3/2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Phạm Thị H - *Sinh năm:* 1976.

Địa chỉ: 469A/2 ấp H, xã T, huyện L, Đồng Tháp.

- Bị đơn:

Nguyễn Hoàng N - *Sinh năm:* 1982;

Võ Thị Thúy H - *Sinh năm:* 1984.

Cùng địa chỉ: 371A/5 ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Có mặt: Chị H, anh N, chị H tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Phạm Thị H trình bày:

Vào ngày 29/3/2018 Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H tự tay ký tên vào giấy mua bán để bán cho Phạm Thị H một chiếc ghe mang biển kiểm soát VL

14514 với số tiền là 220.000.000 đồng. Hai bên đã giao tiền và giao ghe xong. Sau đó Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H mượn lại giấy tờ ghe để đi làm thủ tục sang tên, nhưng đến ngày 12/6/2019 Nguyễn Thanh T và Phạm Thị H đã tự tay ký tên vào giấy giao nhận ghe để Phạm Thị H giao một chiếc ghe mang biển kiểm soát VL 14514 cho Nguyễn Thanh T, còn Nguyễn Thanh T đã giao cho Phạm Thị H 40.000.000 đồng.

Vào ngày 14/5/2018 Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H tự tay ký tên vào giấy mua bán để bán cho Phạm Thị H một chiếc ghe mang biển kiểm soát AG 20969 với số tiền là 220.000.000 đồng. Hai bên đã giao tiền và giao ghe xong. Sau đó Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H mượn lại ghe để sử dụng. Hiện nay Phạm Thị H đang giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện kỹ thuật ngày 03/11/2014, bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số: 00662/12V67 ngày 15/02/2012. Nhiều lần Phạm Thị H yêu cầu Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H trả ghe, sang tên, nhưng Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H không đồng ý nên xảy ra tranh chấp.

Do đó, Phạm Thị H yêu cầu Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Phạm Thị H vốn 400.000.000 đồng, lãi 76.000.000 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 476.000.000 đồng. Sau khi Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H trả nợ xong thì Phạm Thị H tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả lại cho Võ Thị Thúy H, Nguyễn Hoàng N bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện kỹ thuật ngày 03/11/2014, bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số: 00662/12V67 ngày 15/02/2012.

Bị đơn Võ Thị Thúy H, Nguyễn Hoàng N trình bày:

Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H thừa nhận vào ngày 29/3/2018 Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H tự tay ký tên vào giấy mua bán để bán cho Phạm Thị H một chiếc ghe mang biển kiểm soát VL 14514 với số tiền là 220.000.000 đồng. Hai bên đã giao tiền và giao ghe xong.

Vào ngày 14/5/2018 Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H tự tay ký tên vào giấy mua bán để bán cho Phạm Thị H một chiếc ghe mang biển kiểm soát AG 20969 với số tiền là 220.000.000 đồng. Hai bên đã giao tiền và giao ghe xong. Sau đó Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H mượn lại ghe để sử dụng.

Nhưng hai lần Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H ký tên vào giấy mua bán là giả vì trước đó Võ Thị Thúy H có nợ tiền vay và hụi của Phạm Thị H là 400.000.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H có đưa cho Nguyễn Thanh T nhờ Nguyễn Thanh T trả cho Phạm Thị H 40.000.000 đồng.

Do đó, Võ Thị Thúy H, Nguyễn Hoàng N tự nguyện liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Phạm Thị H vốn 360.000.000 đồng, lãi không đồng ý. Sau khi Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H liên đới trả nợ xong thì Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H đồng ý nhận lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện kỹ thuật ngày 03/11/2014, bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi

trường phương tiện thủy nội địa số: 00662/12V67 ngày 15/02/2012 do Phạm Thị H trả.

Tại bản án dân sự số 66/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

1. Buộc Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Phạm Thị H vốn 400.000.000 đồng, lãi 76.000.000 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 476.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Phạm Thị H mà Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H chậm trả 476.000.000 đồng thì hàng tháng Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H còn phải liên đới trả cho Phạm Thị H thêm phần lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

3. Khi Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H liên đới trả nợ xong thì buộc Phạm Thị H thực hiện nghĩa vụ trả lại cho Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện kỹ thuật ngày 03/11/2014, bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số: 00662/12V67 ngày 15/02/2012.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và thời hạn kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/12/2020 anh Nguyễn Hoàng N và chị Võ Thị Thúy H là bị đơn kháng cáo anh N, chị H yêu cầu Tòa án phúc thẩm tuyên hợp đồng mua bán ghe vô hiệu. Xác định lại quan hệ tranh chấp, đây là tranh chấp đòi lại tài sản. Đưa anh Nguyễn Thanh T và bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh N chị H đồng ý trả cho bà Hiệp 360.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Ngày 18/12/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L có quyết định kháng nghị số 07/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L do thiếu tư cách đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng lãi suất không quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về nội dung:

- Về kháng nghị: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát rút kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L về việc hủy bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện

L; giữ lại phần kháng nghị về áp dụng lãi suất không đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

- Về kháng cáo: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H và anh N với nội dung tiền vốn được xác định là 360.000.000 đồng (400.000.000đ-40.000.000đ); không chấp nhận kháng cáo với nội dung về không đồng ý trả lãi chậm trả, thay đổi quan hệ pháp luật từ hợp đồng mua bán sang đòi lại tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh quan hệ pháp luật từ hợp đồng mua bán sang hợp đồng vay, hiệu; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

[1]. Nguyễn Hoàng N và chị Võ Thị Thúy H kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm tuyên hợp đồng mua bán ghe vô hiệu. Xác định lại quan hệ tranh chấp, đây là tranh chấp đòi lại tài sản. Đưa anh Nguyễn Thanh T và bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh N chị H đồng ý trả cho bà Hiệp 360.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

[2]. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L có quyết định kháng nghị số 07/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/12/2020 đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Anh N và chị H thừa nhận có làm giấy mua bán ghe với Chị H vào các ngày 29/3/2018 và ngày 14/5/2018 có ký tên và ghi họ tên với tổng số tiền hai lần bán ghe là 440.000.000đồng, sau khi làm giấy tờ mua bán ghe với Chị H ngày 29/3/2018 anh N và chị H có giao ghe mang biển kiểm soát VL 14514 cho Chị H quản lý điều này chứng tỏ việc mua bán ghe giữa anh N, chị H và Chị H là có thật. Tuy nhiên, anh N và chị H cho rằng mục đích của việc viết giấy mua bán ghe là để cản trở các khoản nợ vay và hui chứ không phải giao dịch mua bán ghe, anh N và chị H có viết một biên nhận nợ chốt lại các khoản vay và hui với Chị H là 400.000.000đồng, cản trừ 40.000.000đồng mà anh Tâm đưa cho Chị H nên anh N và chị H chỉ còn thiếu Chị H 360.000.000đồng và không đồng ý trả lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/11/2020 (bút lục số 102 của Tòa án nhân dân huyện L) và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08/3/2021 Chị H đều thừa nhận có hai biên nhận, 01 biên nhận 220.000.000đồng có xác nhận của địa phương và 01 biên nhận 400.000.000đồng nhưng Chị H chỉ cung cấp cho Tòa án 01 biên nhận 220.000.000đồng còn biên nhận 400.000.000đồng Chị H chưa cung cấp cho Tòa án. Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để Chị H cung cấp nhưng đến ngày 23/3/2021 Chị H có làm tờ tường trình về việc không cung cấp được biên nhận tiền 400.000.000 đồng như Chị H trình bày trước đây. Tuy nhiên, lời trình

bày của Chị H tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đều thừa nhận có biên nhận 400.000.000đồng là phù hợp với lời trình bày của anh N và chị H. Do đó yêu cầu của anh N và chị H chỉ đồng ý trả cho Chị H 360.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với việc anh N và chị H không đồng ý trả lãi chậm trả cho Chị H. Anh N và chị H đều thừa nhận có thiếu Chị H 400.000.000đồng và có đưa tiền cho anh Tâm 40.000.000đồng và anh Tâm đã trả cho Chị H 40.000.000đồng nên anh N và chị H còn thiếu 360.000.000đồng. Ngoài ra, anh N và chị H còn trình bày trong sổ tiền 360.000.000đồng khi chốt nợ với Chị H đã có tính tiền lãi cộng vào nên anh N và chị H không đồng ý trả thêm lãi cho Chị H. Tuy nhiên, anh N và chị H không có chứng cứ chứng minh đã cộng lãi vào vốn nên chốt nợ biên nhận 400.000.000đồng. Do đó, Chị H yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền còn nợ là có căn cứ. Tuy nhiên, Chị H yêu cầu tính lãi từ tháng 4/2018 (ngày ký hợp đồng mua bán) đến tháng 11/2019 (ngày khởi kiện) là 19 tháng x 1%/tháng (400.000.000đồng x 19 x 1% = 76.000.000đồng) là chưa đúng quy định pháp luật. Mặt khác, phía anh N và chị H cũng không đồng ý với mức lãi suất mà Chị H yêu cầu.

Tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1.....

2. “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.*”. Do các bên không thỏa thuận được lãi suất và không xác định được gian trả nợ nên số tiền nợ của anh N, chị H được tính lãi từ thời điểm phát sinh tranh chấp (Biên bản hòa giải UBND xã P ngày 02/7/2018 đến tháng 11/2019) là có căn cứ: 360.000.000đ x 17 tháng x 0,83% = 50.796.000 đồng. Do đó, anh N và chị H có nghĩa vụ trả cho Chị H 360.000.000đồng và 50.796.000 đồng tiền lãi chậm trả nợ. Tổng cộng vốn và lãi là 410.796.000 đồng.

[3.3]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng mua bán ghe ngày 29/3 âl/2018 và hợp đồng mua bán ghe 14/5/2018 (nhằm ngày 29/3 âl/2018) giữa anh N, chị H với Chị H là giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo nhằm che dấu một giao dịch dân sự khác là hợp đồng vay, hui giữa Chị H với chị H được quy định tại khoản 1, Điều 124 Bộ Luật dân sự năm 2015 “*Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che dấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che dấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan*” nên cần được hủy bỏ. Đồng thời, Hội đồng xét xử sửa lại quan

hệ pháp luật cho đúng bản chất của sự việc, từ quan hệ pháp luật hợp đồng mua bán thành quan hệ pháp luật hợp đồng vay, hui.

[3.4]. Xét yêu cầu đưa anh Nguyễn Thanh T và bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án Hội đồng xét xử xét thấy: Anh N và chị H trình bày có thiếu tiền vay của Chị H tới hạn mà chưa có tiền trả nên chị H vay tiền của bà H và có đưa giấy tờ ghe biển kiểm soát VL 14514 cho bà H giữ để làm tin để bà H cho vay tiền trả cho Chị H nhưng anh N và chị H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Riêng anh Nguyễn Thanh T là chủ sở hữu ghe biển kiểm soát VL 14514, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có mời anh Nguyễn Thanh T lấy lời khai thì anh Tâm trình bày ghe mang biển kiểm soát VL 14514 là của anh, giữa anh và anh N là chỗ làm ăn quen biết, anh có cho anh N mượn ghe biển kiểm soát VL 14514, ghe trị giá 250.000.000đồng hai bên có thỏa thuận miệng cho anh N mượn làm ăn khi nào có tiền thì trả cho anh Tâm, sau đó anh N bán ghe cho Chị H anh không biết đến khi Chị H tìm đến anh thì anh mới gặp Chị H và có đưa cho Chị H 40.000.000đồng và lấy ghe về. Số tiền 40.000.000đồng là tiền của anh N và chị H đưa cho anh. Trong vụ án này anh không có yêu cầu và tranh chấp gì vì tài sản của anh, anh đã nhận về. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết đưa anh Nguyễn Thanh T và bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Mặt khác, do hai hợp đồng mua bán nói trên đã bị vô hiệu do giả tạo nên cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ gì đối với anh Tâm và bà H nên không có căn cứ để hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

[4]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh N và chị H là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Do yêu cầu kháng cáo của anh N và chị H được chấp nhận một phần nên anh N và chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Hoàng N và chị Võ Thị Thúy H;

2. Chấp nhận rút kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp về hủy bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

3. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L về lãi suất.

4. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H

4.2. Buộc anh Nguyễn Hoàng N, chị Võ Thị Thúy H liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị H vốn 360.000.000 đồng và 50.796.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng vốn và lãi là 410.796.000 đồng (Bốn trăm, mười triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

4.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Chị H nếu anh N, chị H chưa thi hành án xong thì anh, chị còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

4.4 Khi anh Nguyễn Hoàng N, chị Võ Thị Thúy H liên đới trả nợ xong thì buộc chị Phạm Thị H thực hiện nghĩa vụ trả lại cho Nguyễn Hoàng N, Võ Thị Thúy H bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện kỹ thuật ngày 03/11/2014, bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số: 00662/12V67 ngày 15/02/2012.

5. Án phí, tạm ứng án phí:

5.1. Anh Nguyễn Hoàng N, chị Võ Thị Thúy H phải liên đới chịu 20.432.000 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Chị Phạm Thị H phải chịu 3.260.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 11.520.000 đồng (Mười một triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0005108, ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Hoàn trả lại cho Phạm Thị H 8.259.800 đồng.

5.3. Phạm Thị H phải chịu 7.200.000 đồng (Bảy triệu, hai trăm nghìn đồng) lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Phạm Thị H đã nộp và chi xong).

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Hoàng N và chị Võ Thị Thúy H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Hoàng N và chị Võ Thị Thúy H 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo các biên lai thu số 0010659 và biên lai thu số 010660 cùng ngày 16/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng N